



Bài báo nghiên cứu

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ ĐỘ KHÓ CỦA VĂN BẢN TRONG CHUẨN CỐT LÕI CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN HOA KÌ VÀ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG Ở VIỆT NAM

Nguyễn Phước Bảo Khôi^{1*}, Đỗ Gia Linh²

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

²THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Phước Bảo Khôi – Email: khoiinp@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 04-12-2018; ngày nhận bài sửa: 26-8-2019; ngày duyệt đăng: 19-02-2020

TÓM TẮT

Độ khó của văn bản được nêu ra trong Phụ lục A của Chuẩn cốt lõi chương trình Ngữ văn Hoa Kỳ là một vấn đề rất đáng chú ý. Qua việc tìm hiểu một số yếu tố như loại văn bản, người đọc và nhiệm vụ đọc, bài viết xác định các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung trong độ khó của văn bản cũng như đề xuất hướng vận dụng cụ thể của vấn đề này trong việc lựa chọn văn bản sử dụng trong dạy học đọc hiểu và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn.

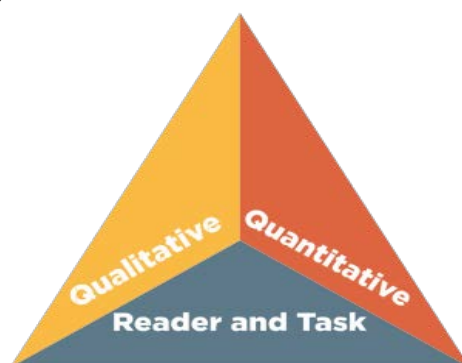
Từ khóa: độ khó của văn bản; dạy học đọc hiểu; Ngữ văn; văn bản

1. Khái quát về vấn đề độ khó của văn bản được sử dụng ở phụ lục A trong Chuẩn cốt lõi chương trình Ngữ văn của Hoa Kỳ

Để nền giáo dục phổ thông có sự xuyên suốt, thống nhất giữa các bang, đảm bảo tính công bằng trong giáo dục cũng như trang bị cho học sinh (HS) những kiến thức và kỹ năng thiết yếu để học đại học và đi làm, từ năm 2010, Hiệp hội các thống đốc quốc gia (National Governors Association, viết tắt là NGA) và Hội đồng viên chức quản lý giáo dục ở cấp tiểu bang (Council of Chief State School Officers, viết tắt là CCSSO) của Hoa Kỳ đã ban hành Chuẩn cốt lõi của chương trình giáo dục, tên gọi chính xác là *Common Core State Standards* (CCSS). Chuẩn này chỉ dành cho hai môn học là Ngữ văn (English – Language Arts) và Toán (hai môn quan trọng có khả năng chi phối các môn khác theo quan niệm của các nhà giáo dục Hoa Kỳ) và được áp dụng từ mẫu giáo đến lớp 12. CCSS đã thống nhất một số giá trị giáo dục cốt lõi giữa các bang; bảo đảm rằng tất cả HS dù sống ở đâu cũng được giáo dục bằng những chuẩn kiến thức và kỹ năng cốt lõi như nhau. Các chuẩn được xây dựng có tính chất thiết thực và gắn liền với cuộc sống thực tế, thể hiện được các kiến thức và kỹ năng mà giới trẻ cần khi học đại học và ra đời làm việc.

Cite this article as: Nguyen Phuoc Bao Khoi, & Do Gia Linh (2020). Text complexity in common core state standards for English Language Arts and Literacy and some directions for Vietnam. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(2), 293-304.

Với môn Ngữ văn, ở nội dung chuẩn chung về kỹ năng Đọc, Phụ lục A (National Governors Association, Council of Chief State School Officers, 2010, p.4-5) của CCSS đã đưa ra một nội dung rất quan trọng đó là độ khó (mức độ phức tạp) của văn bản (VB) sử dụng trong việc chọn lựa tài liệu đọc hiểu phù hợp cho từng cấp học, đơn vị lớp. Theo đó, độ khó của VB được xác định dựa trên ba thành tố, cụ thể theo hình minh họa bên dưới (xem Phụ lục A và Bảng 1):



Hình 1. Ba yếu tố xác định độ khó của VB

Phụ lục A của CCSS đã chi tiết hóa các thành tố trên như ở Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Chi tiết hóa các yếu tố của độ khó VB

Chất lượng (Qualitative)	Số lượng (Quantitative)	Người đọc và nhiệm vụ đọc (Reader and Task)
<ul style="list-style-type: none"> • Mức độ nghĩa (đơn nghĩa hay đa nghĩa) • Mục đích giao tiếp (tường minh hay hàm ẩn) • Cấu trúc văn bản (phức tạp hay đơn giản) • Từ ngữ (diễn đạt rõ ràng hay có ẩn ý) • Kiến thức của lĩnh vực được đề cập trong VB (ở mức độ phổ thông hay mức độ chuyên sâu) 	<ul style="list-style-type: none"> • Độ dài của VB • Độ dài của từ và câu được sử dụng trong VB • Mức độ liên kết của các yếu tố ngôn ngữ trong VB (đơn giản hay phức tạp) 	<ul style="list-style-type: none"> • Tùy thuộc vào trình độ người đọc, kinh nghiệm và sự hiểu biết, nhất là hiểu biết về những kiến thức liên quan đến VB • Thể hiện qua các mức độ yêu cầu về nhiệm vụ đọc và các câu hỏi đọc hiểu (khó hay dễ, nhiều hay ít câu hỏi) được sử dụng để khai thác VB

Theo mô hình, độ khó VB được quan niệm là sự thống nhất giữa các thành tố (các yếu tố trực tiếp làm nên một chỉnh thể): *Chất lượng, Số lượng, Người đọc và nhiệm vụ đọc*. Chúng tôi cho rằng khó có thể xác định ba yếu tố này là thành tố tạo nên độ khó VB. Bên cạnh đó, nội dung độ khó của VB theo quan niệm của Hoa Kỳ cũng tồn tại một số vấn đề cần điều chỉnh, làm rõ.

2. Một số nội dung cần điều chỉnh, bổ sung trong vấn đề độ khó của VB

2.1. Xem xét tính định hướng của yếu tố “loại VB” đối với độ khó của VB

Các nhà giáo dục Hoa Kỳ đã phân định độ khó VB theo hai loại VB được sử dụng trong chương trình môn Ngữ văn: văn bản thông tin (VBTT) và văn bản văn học (VBVH). Với VBTT, độ khó VB được thể hiện qua mục đích của VB, đặc điểm VB, việc sử dụng ngôn ngữ của VB và những yêu cầu về kiến thức đối với HS khi đọc VB. Với VBVH, khác biệt duy nhất về độ khó VB so với VBTT đó là sự thay thế yếu tố mục đích của VB bằng ý nghĩa/ tầng nghĩa của VB. Trong mỗi yếu tố được khảo sát đều có phân ra bốn cấp độ (cao, tương đối cao, tương đối thấp, thấp) để thuận tiện cho việc xác định độ khó.

Chẳng hạn độ khó của VBTT được thể hiện theo Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Chi tiết hóa các yếu tố cấu thành độ khó của VBTT

Yếu tố	Mức độ			
	Thấp	Tương đối thấp	Tương đối cao	Cao
Định dạng, thiết kế	Dung lượng ngắn, khổ in lớn, chữ rõ ràng	Dung lượng vừa, khổ in lớn hoặc nhỏ, chữ rõ ràng	Dung lượng trung bình, khổ in nhỏ, chữ rõ ràng	Dung lượng dài, khổ in nhỏ, chữ in kiểu trang trí mỹ thuật
	VB thống nhất một kiểu cấu trúc, quan hệ giữa các ý/ phần rõ, dễ theo dõi	VB cơ bản có một kiểu cấu trúc, quan hệ giữa các ý/ phần khá rõ để theo dõi	VB có sự kết hợp nhiều kiểu cấu trúc, quan hệ giữa các ý/ phần đôi chỗ chưa rõ	VB có sự kết hợp nhiều kiểu cấu trúc, quan hệ giữa các ý/ phần phức tạp, khó theo dõi
Đặc điểm	Nội dung VB có thể được tìm hiểu không bắt buộc lệ thuộc vào đặc điểm kiểu loại của VB	Đặc điểm kiểu loại của VB có đóng góp nhất định trong việc tìm hiểu nội dung VB	Đặc điểm kiểu loại của VB góp phần nâng cao hiệu quả của việc tìm hiểu nội dung VB	Nắm vững đặc điểm kiểu loại của VB như một yêu cầu bắt buộc để tìm hiểu nội dung VB
	Một số thông tin được chuyển tải bằng đồ họa đơn giản thay cho ngôn ngữ	Đồ họa đơn giản được sử dụng có đóng góp nhất định cho việc tìm hiểu nội dung VB	Đồ họa phức tạp nếu được sử dụng cũng không có đóng góp nhiều cho việc tìm hiểu nội dung VB	Đồ họa phức tạp nếu được sử dụng sẽ làm tăng độ khó của VB, thậm chí cung cấp một số thông tin nằm ngoài nội dung chính của VB

Ngôn ngữ	Ngôn ngữ hiện đại, được sử dụng đơn nghĩa, diễn đạt dễ hiểu	Ngôn ngữ đa phần hiện đại, chủ yếu được sử dụng đơn nghĩa, diễn đạt tương đối dễ hiểu	Ngôn ngữ có đôi chỗ diễn đạt hình tượng, ẩn ý. Có sự xuất hiện của một ít từ cổ hoặc thuật ngữ khoa học	Ngôn ngữ diễn đạt bóng bẩy, nhiều ẩn ý. Sử dụng từ cổ hoặc thuật ngữ khoa học
Mục đích	VB chỉ thực hiện một mục đích, được thể hiện rõ ngay từ tiêu đề hoặc câu chủ đề	VB chỉ thực hiện một mục đích, có thể dễ xác định khi đọc xong VB	VB thực hiện nhiều mục đích, có thể dễ xác định khi đọc xong VB	VB thực hiện nhiều mục đích, được diễn đạt hàm ẩn xuyên suốt VB nên khó xác định
Yêu cầu kiến thức	Quan điểm thống nhất xuyên suốt trong VB, phát hiện dễ dàng, tương đồng cách nghĩ/cách đánh giá thông thường	Quan điểm thống nhất xuyên suốt trong VB, khá tương đồng cách nghĩ/cách đánh giá thông thường	Quan điểm thống nhất xuyên suốt trong VB, đôi khi có sự đối lập với cách nghĩ/cách đánh giá thông thường	Thể hiện nhiều quan điểm trong VB, có sự đối lập với cách nghĩ/cách đánh giá thông thường
	Không trích dẫn VB khác, không liên quan đến các ý tưởng, lí thuyết, sự kiện bên ngoài...	Đôi chỗ có trích dẫn VB khác hoặc liên quan đến các ý tưởng, lí thuyết, sự kiện bên ngoài...	Đôi chỗ có trích dẫn VB khác và một số nội dung có liên quan đến các ý tưởng, lí thuyết, sự kiện bên ngoài...	Nhiều chỗ trích dẫn VB khác và liên quan mật thiết đến các ý tưởng, lí thuyết, sự kiện bên ngoài...

Bảng chi tiết hóa trên có một số vấn đề phải suy nghĩ thêm (chẳng hạn chương trình Ngữ văn của Hoa Kỳ chọn cách phân loại VB dựa trên nội dung thể hiện nên VBTT bao gồm luôn cả VB nghị luận, cách chia hai loại VBTT và VBVH chỉ là tên gọi khác của VB hư cấu và VB phi hư cấu; mặc nhiên, VB hư cấu chính là VBVH và VBTT được hiểu

chung là những VB không chứa đựng nội dung hư cấu, tưởng tượng) nhưng cũng đã chỉ ra việc cân bổ sung vấn đề “loại VB” như một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến độ khó của VB. Nói khác đi, độ khó của VB sẽ có những thay đổi tương ứng với đặc điểm của từng loại VB khác nhau. Chính “loại VB” là một yếu tố rất quan trọng để cụ thể hóa độ khó của VB.

2.2. Cần có sự phân biệt giữa “yếu tố liên quan” và “thành tố” trong vấn đề độ khó của VB

Như đã nói trên, phụ lục A của CCSS xem *Chất lượng, Số lượng, Người đọc và Nhiệm vụ đọc* như là các thành tố (các yếu tố trực tiếp làm nên một chỉnh thể) tạo nên độ khó VB. Theo chúng tôi, độ khó của VB chỉ được ghi nhận cụ thể với những tiêu chí về *Chất lượng* và *Số lượng*.

Tổ chức Smekens Education Solutions của Hoa Kỳ (trang web chính thức là <https://www.smekenseducation.com>) có chi tiết hóa về độ khó của VB theo cả ba yếu tố nêu trên. Riêng với yếu tố “người đọc”, chúng tôi nhận thấy tài liệu *Questions for Professional Reflection on Reader and Task Considerations* của Cristi Alberino và Amy Radikas Joanne White đã trình bày rõ ràng hơn về vấn đề này. Trong tài liệu này, hai tác giả đã chi tiết hóa sự liên quan của người đọc đối với VB bằng những yếu tố như khả năng nhận thức, động lực thực hiện các nhiệm vụ khi đọc VB, mối quan tâm về nội dung, chủ đề VB, kiến thức và kinh nghiệm, kỹ năng đọc hiểu. Chúng tôi đặc biệt lưu tâm đến hai nội dung sau (xem Bảng 3):

Bảng 3. Các yêu cầu đặt ra về kỹ năng đọc hiểu, kiến thức và kinh nghiệm của người đọc khi tiếp xúc với VB

Vấn đề	Yêu cầu cụ thể
Kỹ năng đọc hiểu	<ul style="list-style-type: none"> • Người đọc có các kỹ năng cần thiết để tiếp nhận và kết nối các thông tin chưa rõ ràng/ tiềm ẩn trong VB có liên quan đến việc tiếp nhận VB hay không? • Người đọc có các kỹ năng trực quan cần thiết để tưởng tượng và xác định sự kiện (cái xảy ra) hoặc sự vật (cái đang được mô tả) trong VB hay không? • Người đọc có kỹ năng đặt câu hỏi cần thiết để phản biện các ý tưởng được trình bày trong VB và xem xét những ý tưởng đó từ nhiều quan điểm hay không? • Người đọc có các phương án đọc hiểu cần thiết để xử lý thông tin trong VB hay không? • VB này có giúp phát triển các nhóm kỹ năng trên để hỗ trợ người đọc ở hoạt động tiếp nhận VB tiếp theo/ việc đọc VB khác hay không?
Kiến thức và kinh nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> • Người đọc có kiến thức và kinh nghiệm đầy đủ về đề tài của VB để xử lý thông tin được đề cập trong VB hay không? • Người đọc có kiến thức và kinh nghiệm đầy đủ về từ vựng được sử dụng trong VB để xử lý thông tin được đề cập trong VB hay không?

- Người đọc có kiến thức và kinh nghiệm đầy đủ về thể loại của VB để xử lí thông tin được đề cập trong VB hay không?
- Người đọc có bất kì kết nối nào giữa nội dung trong VB đang tiếp nhận với nội dung mà người đọc đã có kinh nghiệm tiếp nhận trong lớp học/ đã từng tiếp nhận hay không?

Từ bảng mô tả trên có thể thấy nếu người đọc chưa được trang bị những kĩ năng cụ thể (kĩ năng tiếp nhận và kết nối các thông tin trong VB, kĩ năng trực quan, kĩ năng đặt câu hỏi để phản biện các ý tưởng, các phương án đọc hiểu) cũng như chưa có kiến thức và kinh nghiệm (về đề tài của VB, về từ vựng được sử dụng trong VB, về thể loại của VB) thì VB sẽ rất khó đọc đối với họ. Ngược lại, một khi có đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm, được trang bị những kĩ năng một cách tốt nhất, họ hoàn toàn có thể tiếp nhận VB rất dễ dàng. Những yếu tố *Chất lượng* và *Số lượng* làm nên độ khó của VB hoàn toàn không có sự biến thiên theo mức độ hiểu biết của người đọc.

Cũng như vậy với yếu tố *Nhiệm vụ đọc*, chúng tôi cũng không xem nó như một thành tố tạo nên độ khó VB. Chẳng hạn với VB *Bài ca ngát ngưỡng* (Nguyễn Công Trứ) trong sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 11* (tập 1), có thể nêu ra những nhiệm vụ đọc với hai mức độ theo mô tả ở bảng sau (xem Bảng 4):

Bảng 4. Các nhiệm vụ đọc hiểu đặt ra với VB *Bài ca ngát ngưỡng* (Nguyễn Công Trứ)

Mức độ	Nhiệm vụ đọc tương ứng
(1)	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc và chia bố cục cho VB. Lí giải nguyên nhân có cách chia ấy • Lược thuật những nét chính về cuộc đời của tác giả được tái hiện qua VB
(2)	<ul style="list-style-type: none"> • Nhận xét về cách giới thiệu bản thân của Nguyễn Công Trứ trong câu thơ đầu • Nhận xét về thái độ của tác giả khi thuật lại những chức vụ của bản thân trong quãng thời gian làm quan • Nhận xét về giá trị của việc sử dụng câu thơ chữ Hán bắt đầu cho phần thơ sau (mười ba câu cuối) • Phân tích hiệu quả biểu đạt của những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong phần thơ sau • Phân tích hiệu quả biểu đạt của thể loại hát nói trong việc thể hiện nội dung của VB • Đánh giá về từ “ngát ngưỡng” được tác giả sử dụng trong bài thơ • Đánh giá về cách sống của Nguyễn Công Trứ trong sự so sánh với <i>Cánh ngày hè</i> (Nguyễn Trãi); <i>Nhàn</i> (Nguyễn Bình Khiêm); <i>Câu cá mùa thu</i> (Nguyễn Khuyến)

Đối chiếu với **Bảng 1**, dễ dàng nhận thấy những nhiệm vụ đọc nêu ra ở mức độ (1) được xem là dễ với ít câu hỏi ở mức nhận thức đơn giản, câu hỏi và mức độ (2) là khó với nhiều câu hỏi ở mức nhận thức đơn giản phức tạp hơn. Thế nhưng có một số điểm cần lưu ý:

- Nhiệm vụ đọc nêu ra ở mức độ (1) chỉ được coi là đơn giản đối với VB *Bài ca ngát ngưỡng*. Đặt trường hợp vẫn nhiệm vụ ấy nhưng được nêu ra với VB khác (dạng hỏi kí cá nhân với đến hàng trăm trang in và nội dung chủ yếu là thuật lại những hồi ức không theo trình tự thời gian) thì hoàn toàn có khả năng trở thành nhiệm vụ khó khăn. Do đó việc xác định mức độ khó/ dễ của nhiệm vụ đọc chỉ là tương đối.

- Để hoàn thành nhiệm vụ đọc nêu ra ở mức độ (2), HS cần kiến thức đơn giản về từ Hán Việt để tìm hiểu hai câu thơ chữ Hán và biệt hiệu của tác giả, đòi hỏi hiểu biết về thể loại hát nói, về thứ bậc các chức vụ được tác giả liệt kê (*tham tán, tổng đốc, phủ doãn, đại tướng*), về những điển cố được sử dụng (*người tài thượng, Trái, Nhạc, Hàn, Phú*) cũng như một số kiến thức về văn hóa cổ truyền (đặt biệt hiệu, những thú chơi)... Nói khác đi, VB *Bài ca ngát ngưỡng* có những dữ kiện/ thông tin để đáp ứng yêu cầu của những nhiệm vụ đọc phức tạp.

Chúng tôi cho rằng *Nhiệm vụ đọc* không làm VB tăng thêm độ khó, không tác động vào những tiêu chí về *Chất lượng* và *Số lượng* làm nên độ khó của VB. Những VB càng có nhiều dữ kiện/ thông tin quan trọng để tìm hiểu, khai thác sẽ thêm thuận lợi cho việc đặt ra nhiều nhiệm vụ đọc phức tạp. Ở chiều ngược lại, nếu muốn tạo cho HS cơ hội rèn luyện kỹ năng đọc hiểu với các nhiệm vụ được phức tạp hóa dần thì giáo viên (GV) phải tìm kiếm, chọn lựa những VB có những dữ kiện/ thông tin phù hợp với định hướng của những yêu cầu sẽ giao cho HS. Giữa yếu tố *Nhiệm vụ đọc* và độ khó của VB có sự ảnh hưởng, tương tác hai chiều. Như kết luận với yếu tố *Người đọc, Chất lượng* và *Số lượng* làm nên độ khó của VB cũng không có sự biến thiên theo mức độ của *Nhiệm vụ đọc*.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng cần tách “người đọc và nhiệm vụ đọc” khỏi các thành tố tạo nên độ khó của VB. *Người đọc và Nhiệm vụ đọc* chỉ được xem xét như là yếu tố có liên quan đến độ khó của VB mà thôi.

Qua việc khảo sát vấn đề, chúng tôi nhận thấy dù có một số khác biệt không đáng kể nhưng các chuyên gia giáo dục của Hoa Kỳ cơ bản vẫn xác định độ khó của VB là một rubric với những yêu cầu cụ thể về *Chất lượng, Số lượng* như định dạng, thiết kế, cấu trúc của VB, ngôn ngữ, mục đích của VB (ý nghĩa của VB) và yêu cầu kiến thức.

Vì thế chúng tôi không đồng thuận với cách hiểu trong phụ lục A của CCSS (NGA & CCSSO, 2010, p.4) khi tài liệu này sử dụng cụm từ “*ba phần quan trọng như nhau*” (nguyên văn: *consists of three equally important parts*) đánh giá các thành tố tạo nên độ khó của VB. Từ việc phân tích như trên, chúng tôi cho rằng nên minh định lại khái niệm về độ khó của VB. Theo đó, **độ khó của VB được mô tả bằng một rubric với các tiêu chí về nội dung và hình thức đối với VB; hệ thống này có sự phân biệt theo loại VB và**

liên quan nhất định đến đối tượng tiếp nhận VB (người đọc) và yêu cầu khai thác VB (nhiệm vụ đọc VB).

3. Ứng dụng vấn đề độ khó của VB trong việc lựa chọn VB

3.1. Lựa chọn VB sử dụng trong phần đọc hiểu của đề thi môn Ngữ văn bậc trung học phổ thông

Đề thi môn Ngữ văn bậc trung học phổ thông (THPT) đã đổi mới theo định hướng kiểm tra toàn diện, vận dụng cách đánh giá theo năng lực (NL) nhằm xác định đúng NL tạo lập VB và NL đọc hiểu VB của HS. Sự thay đổi trong cấu trúc đề thi THPT Quốc gia môn Ngữ văn từ 2014 với nội dung kiểm tra NL đọc hiểu VB chiếm 30% tổng điểm (3/10 điểm) khiến việc lựa chọn VB phục vụ cho kiểm tra đánh giá theo NL trở thành một yêu cầu cấp thiết.

Theo chúng tôi, trước khi tiến hành lựa chọn ngữ liệu, GV/ người ra đề cần chú ý đến một số vấn đề liên quan đến HS/ đối tượng tiếp nhận VB, cụ thể như bảng mô tả sau (xem Bảng 5):

Bảng 5. Đối chiếu các yếu tố tác động đến việc tiếp nhận VB của HS ở hai môi trường

Yếu tố tác động	Môi trường đọc hiểu	
	Trong giờ học	Trong các kì thi
Tâm lí	Ít/ không có áp lực	Căng thẳng, nhiều áp lực
Kiến thức nền	Được cung cấp kiến thức nền về tác giả, bối cảnh thời đại và hoàn cảnh sáng tác để định hướng cho việc tiếp nhận VB	Tự kích hoạt kiến thức và vận dụng kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu VB
	Được cung cấp sẵn các chú thích về từ khó trong SGK	Đề thi chưa có tiền lệ chú thích từ khó
Đối tượng phối hợp	Có sự hướng dẫn của GV	Không có
	Có thể làm việc theo nhóm nhỏ để tìm hiểu VB	Làm việc độc lập để hoàn thành bài thi

Ma trận đề thi Ngữ văn bậc THPT (Ministry of Education and Training, 2017, p.28) đưa ra yêu cầu **“tương đương VB trong SGK”** đối với VB sử dụng trong phần đọc hiểu của đề thi. Yêu cầu này xuất phát từ mục tiêu đánh giá NL đọc hiểu VB – cần lựa chọn được VB không xa lạ với kinh nghiệm tiếp nhận VB của HS để các em có thể huy động vốn kiến thức, kĩ năng đã được trau dồi, rèn luyện giúp giải quyết thành công những nhiệm vụ đọc được đặt ra. Tuy vậy, căn cứ vào **Bảng 5**, chúng tôi nhận thấy không thể áp đặt yêu cầu **“tương đương VB trong SGK”** với mọi thành tố cấu thành hệ tiêu chí đối với VB sử dụng trong phần đọc hiểu của đề thi Ngữ văn bậc THPT. Dựa vào một số yêu cầu được nêu ra trong ma trận đề thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chúng tôi cụ thể hóa theo Bảng 6 sau đây:

Bảng 6. Cụ thể hóa một số thành tố của tiêu chí “tương đương VB trong SGK” đối với VB sử dụng trong phần đọc hiểu của đề thi Ngữ văn bậc THPT

Thành tố	Yêu cầu về ngữ liệu VB sử dụng trong đề thi	
	Yêu cầu khái quát	Yêu cầu cụ thể của ma trận
Thể loại của VB	Tương đồng với các loại VB đã được sử dụng trong SGK	VB nhật dụng VB nghệ thuật
	Ưu tiên thể loại VB mà HS đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm tiếp nhận/ có thời lượng dạy học nhiều	(chưa được xác định)
Độ dài của VB (tiêu chí về hình thức)	Ngắn hơn VB đã được sử dụng trong SGK, độ dài tỉ lệ thuận với thời lượng đề thi	Từ 150 – 300 chữ
Đề tài của VB (tiêu chí về nội dung)	Tương đồng với đề tài của VB trong SGK	(chưa được xác định)
Hệ thống câu hỏi đọc hiểu VB (tiêu chí về nhiệm vụ đọc)	Ít hơn so với câu hỏi đọc hiểu VB trong SGK, tỉ lệ thuận với thời lượng đề thi	4 câu hỏi, số lượng cụ thể theo các mức tư duy:
	Ở mức độ phức tạp tương đương so với câu hỏi đọc hiểu VB trong SGK, chú ý yêu cầu phân hóa	<ul style="list-style-type: none"> • 2 câu hỏi nhận biết • 1 câu hỏi thông hiểu • 1 câu hỏi vận dụng

Có thể thấy một số yêu cầu đã chưa được xác định cụ thể. Tuy nhiên, ngay cả với những yêu cầu được xác định cũng cần một sự kiểm định về tính minh xác của nó (độ dài mà ma trận đưa ra có hợp lí không, số lượng câu hỏi theo ba mức nhận thức có phù hợp không), hoặc cần tìm ra nguyên nhân để có được kết luận ấy (những yếu tố để xác định độ dài VB) cũng như chi tiết hóa thêm (chẳng hạn VB nghệ thuật nên sử dụng làm ngữ liệu là VB thơ hay VB truyện, những đề tài ứng với từng loại VB là gì...). Do đó, việc phân giải trên cũng chỉ là bước đầu xác định cơ sở định hình một số yêu cầu đối với VB sử dụng trong phần đọc hiểu của đề thi môn Ngữ văn bậc THPT.

3.2. Lựa chọn VB sử dụng trong dạy học đọc hiểu theo đặc trưng thể loại

Tích hợp theo chiều dọc trong quan niệm của chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn hiện hành là thiết kế những đơn vị kiến thức, kĩ năng học sau bao hàm những kiến thức, kĩ năng đã học trước nhưng ở mức cao hơn và sâu hơn theo nguyên tắc đồng tâm và phát triển. Chúng tôi nhận thấy quan điểm này tương đồng với khuyến nghị về việc cấu trúc hệ thống VBVH trong SGK Ngữ văn mới: “phải được tuyển chọn, tập hợp thành hệ thống có tính tiêu biểu về loại, phù hợp về độ khó và được sắp xếp tăng dần về độ phức

tạp, tương ứng với yêu cầu cao dần về kiến thức, kỹ năng cần đạt” (Nguyen Thanh Thi, 2014, p.141).

Xác định một số yếu tố cốt yếu (cốt truyện, điểm nhìn trần thuật, nhân vật, kết cấu, chi tiết ấn tượng và tình huống) khi dạy học đọc hiểu (DHH) truyện ngắn theo đặc trưng thể loại cũng như vận dụng chọn lọc, phát triển một số nội dung từ rubric độ khó của VBVH mà các nhà giáo dục Hoa Kỳ đã xây dựng, chúng tôi tạm hình dung độ khó của truyện ngắn có ba mức, tăng dần từ (1) đến (3), tương ứng với các yếu tố đặc trưng cho thể loại theo mô tả ở Bảng 7 sau đây:

Bảng 7. Phân giải độ khó của thể loại truyện ngắn

Yếu tố đặc trưng	Mức độ		
	(1)	(2)	(3)
Cốt truyện	Ít tình tiết quan trọng	Nhiều tình tiết quan trọng	Nhiều tình tiết quan trọng, giàu kịch tính
Kết cấu	Sử dụng một kiểu kết cấu dạng đơn giản (kết cấu tuyến tính hoặc kết cấu đảo trình tự thời gian)	Sử dụng một kiểu kết cấu dạng phức tạp (như kết cấu tâm lí, kết cấu vòng tròn, kết cấu truyện lồng trong truyện...)	Sử dụng kết hợp hai loại kết cấu khác nhau trở lên
Điểm nhìn trần thuật	Khách quan	Có sự đan xen giữa chủ quan và khách quan nhưng chủ yếu vẫn là chủ quan	Phối hợp linh hoạt khách quan và chủ quan
Tình huống	Sự phát triển của cốt truyện xoay quanh một tình huống	Cốt truyện phát triển trên cơ sở kết hợp của hai tình huống	Cốt truyện phát triển có sự kết hợp của nhiều hơn hai tình huống
Nhân vật	Tính cách nhân vật chủ yếu được thể hiện thông qua hành động, lời nói	Tính cách nhân vật được thể hiện thông qua hành động, lời nói, tâm lí	Tính cách nhân vật được thể hiện thông qua hành động đặc biệt, lời nói đa nghĩa, tâm lí phức tạp
Chi tiết	Các chi tiết rời rạc, không tổ chức thành cụm, chỉ tác động đến đến một phương diện về nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm	Các chi tiết tổ chức thành cụm có sự kết nối về ý nghĩa, tác động đến một phương diện về nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm	Các chi tiết tổ chức thành cụm có sự kết nối về ý nghĩa, chi phối cả nội dung lẫn nghệ thuật của tác phẩm

Chương trình và SGK Ngữ văn hiện hành không cho phép GV tự lựa chọn VB để DHDH. Việc cần và có thể thực hiện đó là trên nền tảng chương trình và SGK Ngữ văn hiện hành, GV nên định hướng lại để có thể khắc phục được một số bất cập của hệ thống VB sử dụng DHDH. Do đó, việc sắp xếp các đơn vị nội dung dạy học theo một trật tự phù hợp với mức độ và quá trình nhận thức của HS cần được quan tâm đúng mức. Muốn vậy, mỗi bài học/VB phải được xếp đặt một cách có mục đích và phải tạo thành một mối liên kết chặt chẽ với nhau. Bảng mô tả trên vừa có thể được sử dụng để sắp xếp các truyện ngắn trong SGK Ngữ văn vừa là một gợi ý vận dụng vấn đề độ khó của VB phục vụ cho việc DHDH theo đặc trưng thể loại.

Chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển NL đang đi vào quá trình hoàn thiện. Việc xây dựng được các nguyên tắc, tiêu chí một cách rõ ràng, có tính khả thi, xác định một quy trình chặt chẽ để lựa chọn được hệ thống VB tốt nhất phục vụ cho quá trình DHDH và kiểm tra đánh giá là rất quan trọng. Ở đó, việc tìm hiểu về độ khó của VB cũng như mối quan hệ giữa vấn đề này với mục đích sử dụng VB, trên cả hai phương diện lí luận và thực tiễn, đã và đang chứng tỏ là một hướng nghiên cứu đầy tiềm năng và cần được tiếp tục lâu dài.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Chúng tôi xin cảm ơn ThS Nguyễn Thành Trung (Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm TPHCM) và GV Nguyễn Thái Dương (Trung tâm Speak Only) đã hỗ trợ điều chỉnh, hoàn thiện bản dịch một số tài liệu tiếng Anh có liên quan đến nội dung nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alberino, C., & White, A. R. J. (15/10/2017). Questions for Professional Reflection on Reader and Task Considerations. Retrieved from: [http:// assessment.education.uconn.edu/assets/Conferences](http://assessment.education.uconn.edu/assets/Conferences)
- Ministry of Education and Training (2006). *General education program in Literature [Chương trình giao dục phổ thông môn Ngữ văn]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Ministry of Education and Training (2017). *Innovating teaching methods and techniques for developing matrixes and compiling test questions and assessing Literature subjects [Đổi mới phương pháp dạy học, kĩ thuật xây dựng ma trận đề và biên soạn câu hỏi kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn]*. Training materials for managers and high school teachers.
- Ministry of Education and Training (2017). *Literature Textbook for Grade 11 (volume 1) [Sách giao khoa Ngữ văn 11]*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House.
- National Governors Association, Council of Chief State School Officers (20/10/2017). Common Core State Standards (Appendix A). Download from: http://www.corestandards.org/assets/Appendix_A.pdf
- Nguyen Thanh Thi (2014). Communication capacity as a result of developing synthesized knowledge and skills of reading, writing, speaking and listening in Literature teaching [Năng lực giao tiếp như là kết quả phát triển tổng hợp kiến thức và các kĩ năng đọc, viết, nói nghe trong dạy học Ngữ văn]. *Science Magazine Ho Chi Minh City University of Education*, 56, 134-143.

TEXT COMPLEXITY IN COMMON CORE STATE STANDARDS FOR ENGLISH LANGUAGE ARTS AND LITERACY AND SOME DIRECTIONS FOR VIETNAM

Nguyen Phuoc Bao Khoi^{1}, Do Gia Linh²*

¹*Ho Chi Minh City University of Education*

²*Tran Dai Nghia High School for the gifted*

**Corresponding author: Nguyen Phuoc Bao Khoi – Email: khoiinp@hcmue.edu.vn*

Received: December 04, 2018; Revised: August 26, 2019; Accepted: February 19, 2020

ABSTRACT

Appendix A of the Common Core State Standards defines the text complexity for English language arts and literacy. By analyzing some factors such as the type of text, the readers, and the purposes of reading, this article identifies the contents to be adjusted and supplemented in terms of text complexity for Vietnamese Language Arts and Literature. The paper also proposes a particular way to choose texts for teaching reading comprehension as well as provides some teachers guidance to assess this subject.

Keywords: text complexity; reading comprehension teaching; Language Arts and Literature; texts